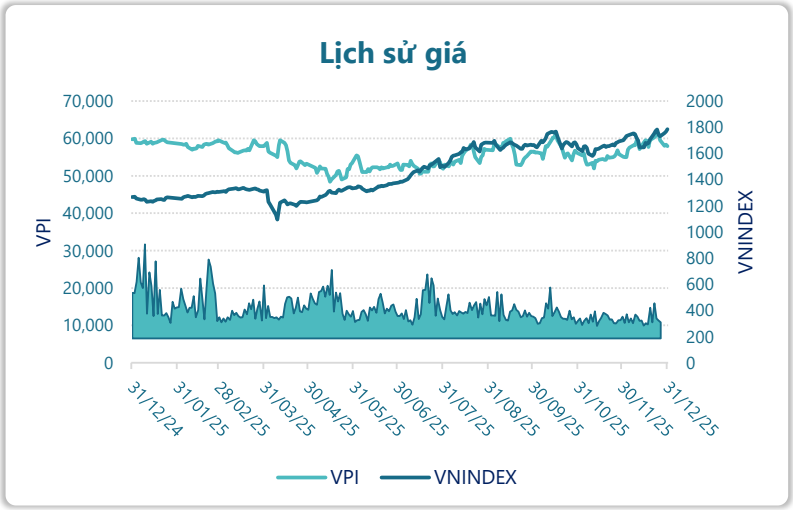
FireAnt

CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú (HSX: VPI)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**57,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	61,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	48,400
SL cổ phiếu LH	320,049,577
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,717,835
% sở hữu nước ngoài	9.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	18,531
P/E	47.2
EPS	1,227

DT thuần

Q4/25

1,180

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 784| 198%

YoY: ▲ 430| 57.4%

LN sau thuế

Q4/25

132

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.0| 11.0%

YoY: ▲ 31.0| 30.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

27.7%

DT thuần

2025

2,004

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 107| 5.6%

LN sau thuế

2025

395

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 91.0| 30.0%

ROE

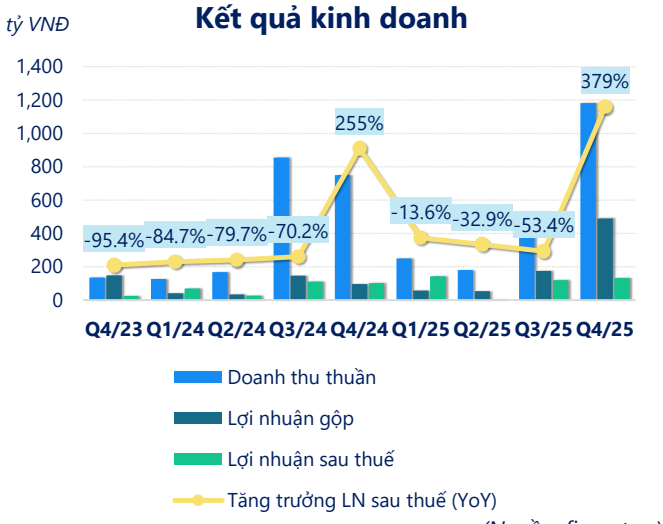
2025

7.4%

+/- YoY: ▲ 0.2%

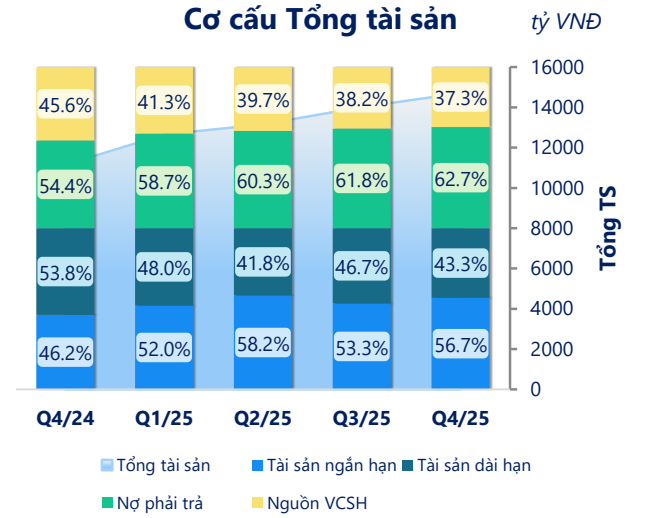
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



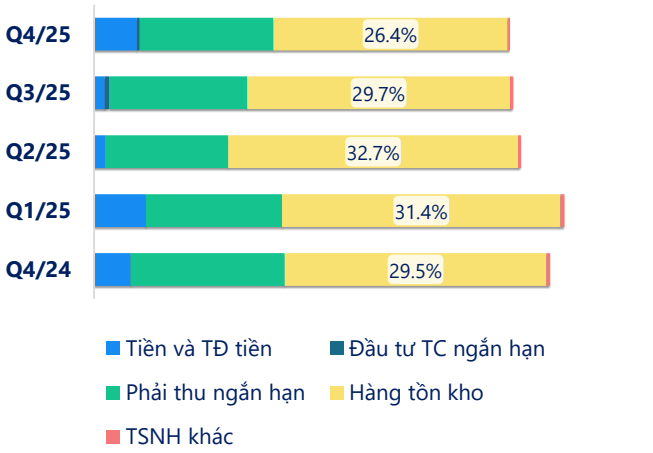
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



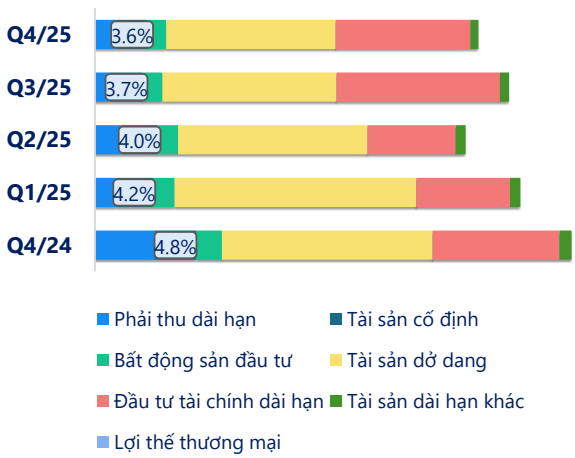
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



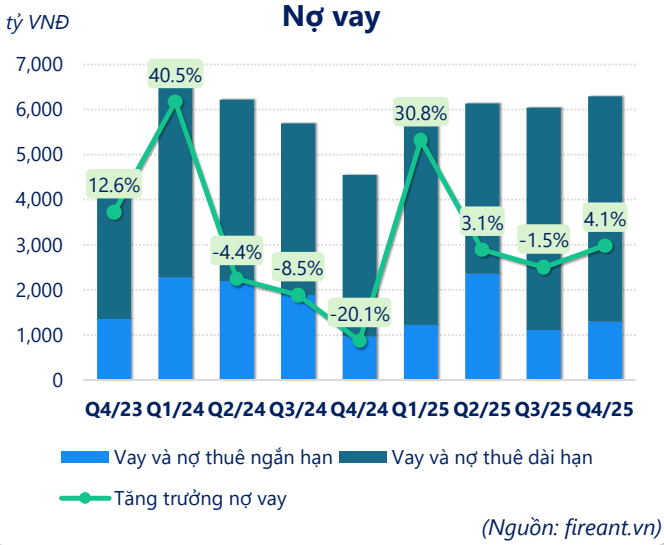
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



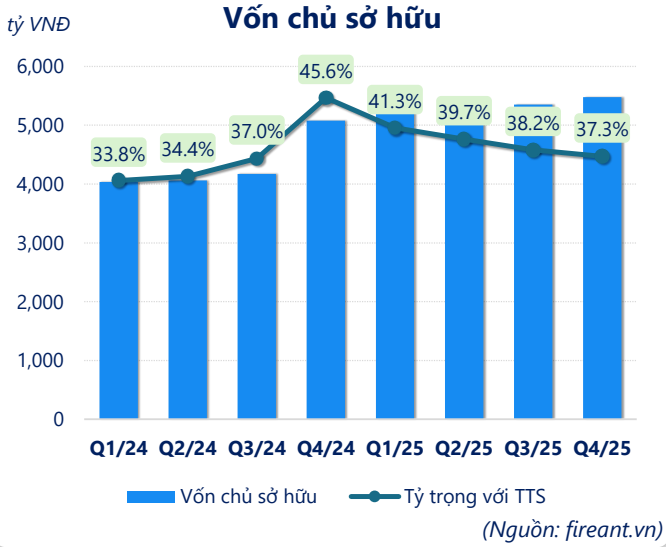
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



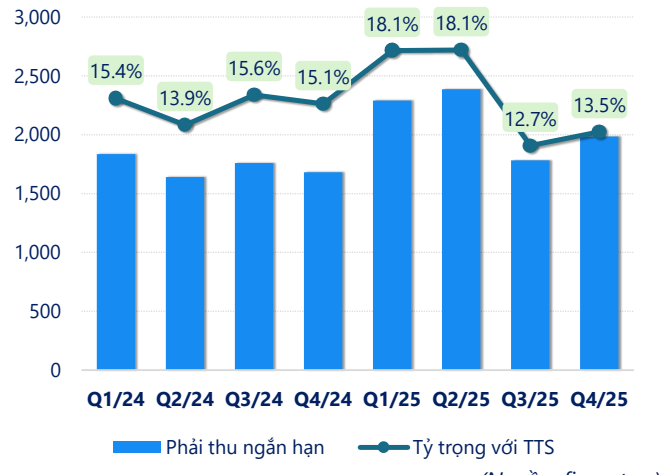
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



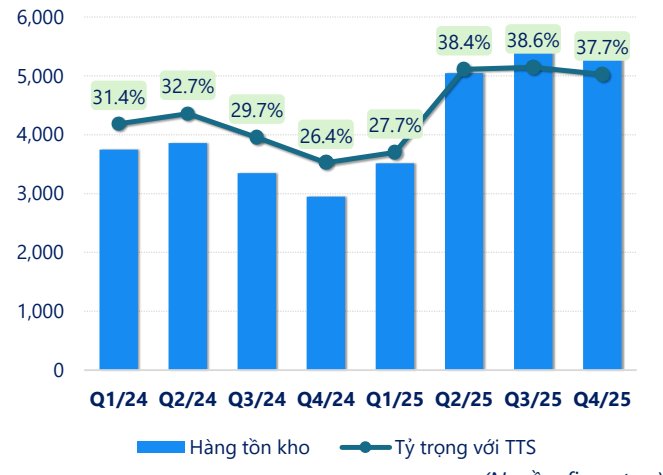
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



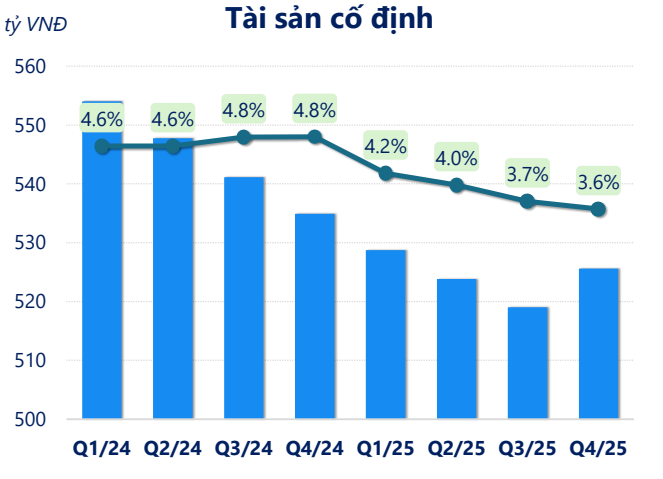
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



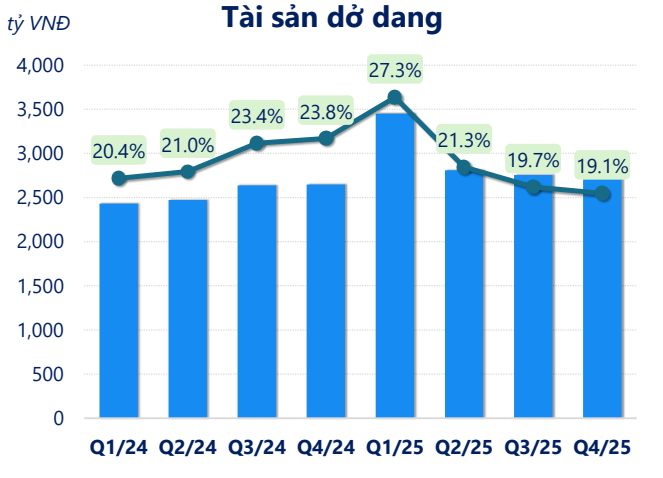
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



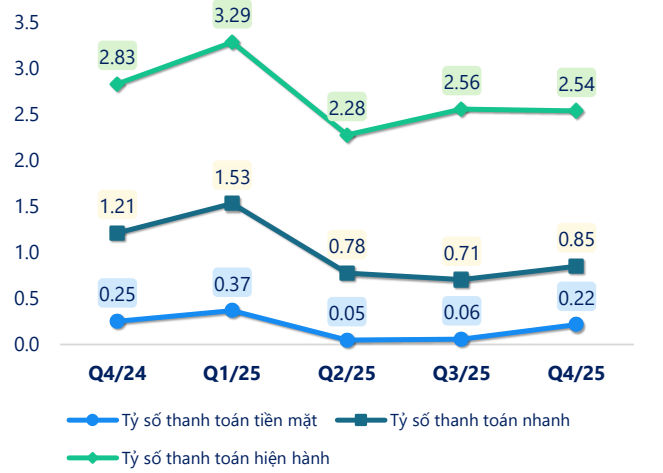
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



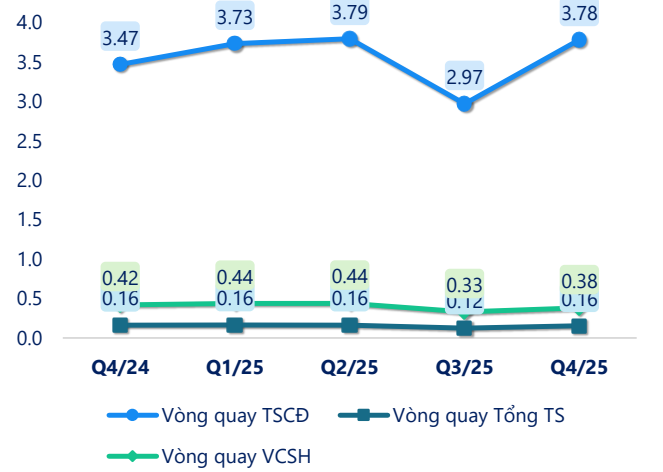
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**11,144**	**12,655**	**13,161**	**14,012**	**14,708**
Tài sản ngắn hạn	**5,152**	**6,581**	**7,657**	**7,466**	**8,341**
Tiền và tương đương tiền	457	738	162	167	706
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.5	0.11	0.11	0.11	0.11
Phải thu ngắn hạn	1,680	2,290	2,387	1,782	1,984
Hàng tồn kho	2,946	3,512	5,048	5,408	5,544
Tài sản ngắn hạn khác	28.1	41.0	59.8	109	107
Tài sản dài hạn	**5,992**	**6,074**	**5,504**	**6,546**	**6,366**
Phải thu dài hạn	745	296	401	239	353
Tài sản cố định	535	529	524	519	526
Bất động sản đầu tư	316	313	310	307	305
Tài sản dở dang	2,649	3,450	2,809	2,754	2,811
Đầu tư tài chính dài hạn	1,594	1,337	1,311	2,584	2,238
Tài sản dài hạn khác	153	149	148	143	133
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**6,067**	**7,430**	**7,935**	**8,660**	**9,228**
Nợ ngắn hạn	**1,818**	**2,003**	**3,361**	**2,917**	**3,284**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	966	1,220	2,357	1,107	1,293
Phải trả người bán ngắn hạn	103	89.3	112	102	142
Nợ dài hạn	4,249	5,427	4,574	5,743	5,944
Vay và nợ thuê dài hạn	3,582	4,731	3,775	4,936	4,996
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,077**	**5,225**	**5,226**	**5,351**	**5,480**
Vốn chủ sở hữu	**5,077**	**5,225**	**5,226**	**5,351**	**5,480**
Vốn điều lệ	3,200	3,200	3,200	3,200	3,200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)